TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Bé
2. Ông Nguyễn Văn Y

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TB-TLVA ngày 31 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Đặng Thúy L**, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: **Anh Phạm Văn H**, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(chị L có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2024 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thúy L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H cưới nhau và chung sống từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Phạm Ngọc Nhã Q, sinh ngày 18/9/2016, không có tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị ở và vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Về con chung, chị yêu cầu giao cháu Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Về tài sản và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu giao cháu Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, chị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chị không cấp dưỡng nuôi cháu Q.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21 tháng 3 năm 2024, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị Đặng Thúy L chung sống không có mâu thuẫn nhưng cách nay khoảng 07 năm thì chị L tự ý bỏ về nhà cha mẹ chị ở C sinh sống không về, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó. Anh đã nhiều lần khuyên chị quay về nhưng chị L không đồng ý. Nay, chị L cương quyết ly hôn thì anh đồng ý vì không thể hàn gắn được. Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Phạm Ngọc Nhã Q, sinh ngày 18/9/2016, hiện anh đang nuôi dưỡng. Nay anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con của chị L là 3.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2024, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Q.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Đặng Thúy L và anh Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 25/11/2016. Như vậy, chị L và anh H có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thúy L và anh Phạm Văn H là hợp pháp.

[2.1.2] Chị L yêu cầu ly hôn với anh H vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh H đồng ý ly hôn với chị L. Xét thấy, giữa chị L và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Chị Đặng Thúy L và anh Phạm Văn H chung sống có 01 con chung tên Phạm Ngọc Nhã Q, sinh ngày 18/9/2016. Hiện cháu Q đang được anh H nuôi dưỡng. Chị L và anh H thống nhất giao cháu Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho cháu Q. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu Q và có xét đến nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha của cháu Q, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H thống nhất không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Đặng Thúy L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thúy L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thúy L được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Nhã Q, sinh ngày 18/9/2016 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đặng Thúy L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đặng Thúy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đặng Thúy L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đặng Thúy L đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0010898 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc